TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
*****

Bản án số: **04**/2019/DS-ST
Ngày: 03/5/2019
V/v: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày **03** tháng **5** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/ QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Bà ĐTT,** sinh năm 1968.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Đội 9, xã QB, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** **1. Ông NVT1**, sinh năm 1973.

2. Bà TTL, sinh năm 1975.

Đều đăng ký HKTT và cư trú tại: Đội 14 , xã QB, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Ông NVT1 ủy quyền cho bà TTL (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/3/2019 tại UBND xã QB, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội).

Có mặt: Bà ĐTT, bà TTL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của Nguyên đơn - bà ĐTT trình bày:***

Năm 2009, do có quan hệ quen biết với vợ chồng ông NVT1, bà TTL, bà ĐTT đã cho vợ chồng ông T1, bà L vay tiền 04 lần với tổng số tiền là 370.000.000 *(Ba trăm bảy mươi triệu)* đồng. **Cụ thể như sau:**

- Ngày 21/2/2009 (âm lịch), bà ĐTT cho ông NVT1 vay 200.000.000 đồng. Việc vay có giấy vay nợ, không thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ.

- Ngày 11/7/2009 (âm lịch), bà ĐTT cho bà TTL vay 70.000.000 đồng. Việc vay có giấy vay nợ, không có thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ.

- Ngày 20/7/2009 (âm lịch), bà ĐTT cho bà TTL vay 50.000.000 đồng. Việc vay có giấy vay nợ, không có thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ.

- Ngày 26/7/2009 (âm lịch), bà ĐTT cho bà TTL vay 50.000.000 đồng. Việc vay có giấy vay nợ, không có thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ.

Các lần vay nợ trên đều có giấy nhận nợ và các khoản bà T cho vợ chồng ông T1 + bà L vay đều là tiền bà T trực tiếp đưa cho vay chứ không có khoản tiền nào là tiền lãi nhập vào tiền gốc.

Quá trình vay nợ, bà T đã nhiều lần đòi ông T1 + bà L trả khoản tiền đã vay nhưng ông T1 + bà L mới trả được cho bà T tổng số tiền là 9.000.000 đồng, số tiền còn lại nhiều lần bà T đòi nhưng ông T1 + bà L không trả.

Nay bà ĐTT khởi kiện yêu cầu ông T1 + bà L trả cho bà T số tiền còn lại là 361.000.000 đồng (sau khi trừ 9.000.000 đồng đã trả).

Toàn bộ khoản tiền bà T cho ông T1 + bà L vay là tiền của bà T cho bà L, ông T1 vay chứ không liên quan gì đến chồng hoặc gia đình bà T.

**** Bị đơn Bà TTL (Bà TTL là đại diện theo ủy quyền của ông NVT1 – chồng bà L) trình bày:***

Bà TTL thừa nhận do có quan hệ quen biết từ trước, năm 2009 vợ chồng bà TTL + ông NVT1 đã vay tiền bà ĐTT 04 lần với tổng số tiền là 370.000.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi triệu đồng)* như bà ĐTT trình bày.

Cụ thể như sau: Ngày 21/2/2009 (âm lịch), chồng bà L là ông NVT1 vay của bà ĐTT số tiền 200.000.000 đồng; việc vay có giấy vay nợ, không có thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ. Ngày 11/7/2009 (âm lịch), bà TTL vay của bà ĐTT số tiền 70.000.000 đồng; việc vay có giấy vay nợ, không có thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ. Ngày 20/7/2009 (âm lịch), bà TTL vay của bà ĐTT số tiền 50.000.000 đồng; việc vay có giấy vay nợ, không có thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ. Ngày 26/7/2009 (âm lịch), bà TTL vay của bà ĐTT số tiền 50.000.000 đồng; việc vay có giấy vay nợ, không có thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ.

Bà TTL thừa nhận các khoản tiền vay của bà T đều là khoản tiền vay chung của vợ chồng bà L + ông T1. Các lần vay nợ đều có giấy nhận nợ và đều là tiền bà T trực tiếp đưa tiền cho vay chứ không có khoản tiền nào là tiền lãi nhập vào tiền gốc, khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất và không quy định hạn cuối trả nợ.

Quá trình vay nợ, do làm ăn khó khăn nên vợ chồng bà L + ông T1 mới trả được cho bà T số tiền là 9.000.000 đồng, số tiền còn lại do khó khăn nên bà L + ông T1 chưa trả được cho bà T.

Một số lần bà T đến đòi vợ chồng bà nhưng điều kiện nhà bà đang rất khó khăn vì ngoài nợ bà T, vợ chồng bà L + ông T1 còn nợ nhiều người khác, có lần bà T yêu cầu bà L + ông T1 trả 50.000.000đ thì xóa nợ nhưng do vợ chồng bà không có điều kiện nên không trả được. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà L đã cố gắng vay mượn được số tiền 50.000.000 đồng để trả cho bà T để bà T xóa nợ như ý kiến của bà T đã đưa ra trước đây nhưng bà T không đồng ý. Nay bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - Bà ĐTT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T1 + bà L trả cho bà T số tiền còn lại là 361.000.000 đồng sau khi trừ đi số tiền 9.000.000 đồng vợ chồng bà L + ông T1 đã trả, bà T có ý kiến đề nghị xem xét khoản tiền lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng để buộc vợ chồng bà L + ông T1 trả cho bà T.

Bị đơn - Bà TTL cho rằng, khi các bên cho nhau vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ nên yêu cầu tính khoản tiền lãi trên số tiền nợ từ năm 2009 đến nay bà L không đồng ý. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa sau khi phân tích có quan điểm.

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà ĐTT và buộc vợ chồng ông T1 + bà L phải trả cho bà T số tiền 361.000.000 đồng. Đề nghị của bà ĐTT tại phiên tòa về khoản tiền lãi trên số nợ gốc từ năm 2009 đến nay đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà ĐTT không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, vợ chồng bà TTL + ông NVT1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà ĐTT, ông NVT1, bà TTL liên quan đến giao dịch dân sự là Hợp đồng vay tài sản (vay tiền) nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn là ông T1 + bà L cư trú tại xã QB, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, quá trình các bên cho nhau vay tiền được thực hiện tại xã QB, huyện Chương Mỹ nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về khoản tiền vay: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 7/2009 (âm lịch), bà ĐTT cho vợ chồng bà TTL + ông NVT1 vay 04 lần tiền với tổng số tiền của 04 lần vay là 370.000.000 đồng. Khi cho vay đều có giấy vay tiền, các bên không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ thể hiện tại 04 giấy vay tiền, đến nay các bên đều thừa nhận số tiền cho nhau vay nên cần xác định việc bà T cho vợ chồng bà L + ông T1 vay tổng số tiền 370.000.000 đồng là có thật. Bà T và bà L đều thừa nhận số tiền các bên cho nhau vay và đều thừa nhận tiền vay là tiền bà T trực tiếp đưa cho vợ chồng bà L + ông T1 vay và không có khoản tiền nào là tiền lãi nhập vào tiền gốc.

Nguyên đơn - bà ĐTT thừa nhận khoản tiền bà T cho vợ chồng bà L + ông T1 vay là tiền của bà T không liên quan đến chồng bà T hoặc gia đình bà T và Bị đơn - bà TTL *(bà L là người đại diện theo ủy quyền của ông NVT1 - chồng bà L)* cũng thừa nhận toàn bộ khoản tiền vay của bà T là khoản vay chung của vợ chồng bà L + ông T1 nên cần xác định khoản tiền nợ là nợ chung của vợ chồng bà L + ông T1 với bà T.

Trong quá trình vay, bà TTL khai vợ chồng bà L + ông T1 đã trả được cho bà T số tiền 9.000.000 đồng, việc bà L + ông T1 khai đã trả 9.000.000 đồng bà T thừa nhận. Bà T và bà L đều thừa nhận số tiền 9.000.000 đồng đã trả không phải là trả tiền lãi mà là trả khoản tiền đã vay.

Vì vậy, tổng số tiền bà T cho vợ chồng bà L + ông T1 vay là 370.000.000 đồng, bà L + ông T1 đã trả 9.000.000 đồng. Các bên đều thừa nhận số tiền vợ chồng bà L + ông T1 còn nợ bà T là 361.000.000 đồng. Khi các bên cho nhau vay tiền không có thỏa thuận về thời gian trả nợ nên bên cho vay có thể yêu cầu bên vay trả khoản tiền vay bất cứ lúc nào nên nay bà ĐTT khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L + ông T1 trả số tiền còn lại là 361.000.000 đồng là có căn cứ nên cần buộc vợ chồng bà L + ông T1 phải trả cho bà T số tiền là 361.000.000 đồng.

[2.2]. Về khoản tiền lãi suất: Tại phiên tòa bà ĐTT đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản tiền lãi trên số tiền các bên cho nhau vay từ năm 2009 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, việc tính lãi bà L không thừa nhận các bên cho nhau vay tiền có tính lãi. Xét yêu cầu này của bà T thì thấy: Khi các bên cho nhau vay tiền không thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận về thời gian trả nợ nên đề nghị của bà T về khoản tiền lãi trên số tiền các bên đã cho nhau vay từ năm 2009 đến thời điểm xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí:

+ Bà T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền 9.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

+ Bà L + ông T1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền 361.000.000 đồng là 18.050.000 đồng. Bà L + ông T1 có đơn xin miễn giảm khoản tiền án phí do hoàn cảnh gia đình có khó khăn về kinh tế, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nên miền giảm một phần án phí cho bà L + ông T1, bà L + ông T1 phải chịu 1/2 án phí Dân sự sơ thẩm là 9.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 474, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015; Điều 21, Điều 26, 35, 39, 147 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ĐTT về việc yêu cầu vợ chồng bà TTL + ông NVT1 trả nợ số tiền **361.000.000** đồng *(Ba trăm sáu mươi mốt triệu đồng).*

2. Buộc vợ chồng bà TTL + ông NVT1 phải trả cho bà ĐTT số tiền **361.000.000** đồng *(Ba trăm sáu mươi mốt triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

+ Bà ĐTT được hoàn trả số tiền 9.250.000 đồng *(Chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)* dự phí đã nộp *(theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2015/ 0003899 ngày 27/3/2019)* tại Chi cục Thi hành án huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

+ Bà TTL, ông NVT1 được miễn giảm 1/2 tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Bà TTL + ông NVT1 còn phải chịu 9.025.000 đồng *(Chín triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Tr□ờng hợp bản án, quyết định đ□ợc thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc c□ỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự đ□ợc thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bà ĐTT, bà TTL, bà L là đại diện theo ủy quyền của ông NVT1 (chồng bà L) có quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *TAND Tp.Hà Nội;*
- *VKSND H.Chương Mỹ;*
- *Chi cục THA H.Chương Mỹ;*
- *Lưu HSVA – VP;*

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tại điều 127 Luật này thì khi giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 122 nêu trên thì vô hiệu. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì: “Các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”.

Đối chiếu với trường hợp của bạn với các quy định vừa viện dẫn thì việc chủ cửa hàng bán cho bạn chiếc xe là tang vật của một vụ trộm là đã vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, việc mua bán đương nhiên bị vô hiệu, và các bên phải trả lại nhau những gì đã trao. Bạn phải trả lại chiếc xe đó cho người bị mất và chủ cửa hàng có trách nhiệm trả lại bạn số tiền mà bạn dùng để mua chiếc xe đó.

Tại thời điểm mua chiếc tivi đó bạn không biết đây là tài sản trộm cắp, không tham gia vào việc trộm cắp thì bạn không phạm tội, giao dịch mua bán của bạn được coi là giao dịch mua bán ngay tình.

Xem thêm>>>Thủ tục đăng ký hộ khẩu cho người mãn hạn tù

Trong trường hợp chiếc tivi bị thu hồi để trả lại cho người mất, bạn được quyền yêu cầu người bán hoàn lại cho bạn số tiền 3 triệu đồng bạn đã trả để mua chiếc tivi đó.

Ngoài ra điều luật còn quy định hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực trong một số trường hợp nhất định.

Theo Điều 127 Bộ Luật dân sự, khi giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 122 nêu trên thì vô hiệu. Theo đó, hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu là: "Các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường". Đối chiếu với các quy định mà chúng tôi vừa viện dẫn thì việc chủ cửa hàng bán cho bạn chiếc xe máy là tang vật của một vụ trộm là đã vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, việc mua bán đương nhiên bị vô hiệu. Để bảo vệ quyền lợi cho mình, bạn cần làm đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán xe đòi lại số tiền mà bạn đã bỏ ra mua chiếc xe đó, những chi phí bỏ ra để tu sửa lại chiếc xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Nếu bạn trực tiếp làm đơn kiện ra tòa án về trường hợp mua phải xe ăn cắp, thì phía bên cửa hàng bán xe, phía bên người ăn cắp sẽ bị xử lý như sau:

Phía bên cửa hàng bán xe:

Đối với chủ cửa hàng, trong trường không biết chiếc xe đó là tang vật của một vụ trộm cắp thì cũng tương tự như trường hợp của bạn, có quyền yêu cầu người bán hoàn trả lại số tiền đã thanh toán.

Còn trường hợp người chủ cửa hàng biết rõ chiếc xe đó là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn mua thì hành vi này có dấu hiệu phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, và có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự: " Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm….."

Các giao dịch liên quan tài sản phạm pháp (bị trộm cắp, cướp giật, lừa đảo...) sẽ bị coi là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Tôi có mua một chiếc xe máy Sirius (xe cũ) mà không sang tên, tại cửa hàng kinh doanh xe gắn máy. Có giấy tờ xe và giấy tờ mua bán của cửa hàng. Sử dụng khoảng 2 tháng thì xe tôi bị chủ cũ đòi lại vì chủ cũ báo mất xe và xe tôi được công an trả lại cho chủ cũ.

Tôi không biết đây là của gian, tôi phải làm gì để lấy lại số tiền đã bỏ ra do mua nhầm. Ai sẽ hoàn tiền cho tôi, khi nào?

Độc giả: **Tân Bình**

Cám ơn bạn đã gửi câu hỏi của mình đến VietNamMoi. Vấn đề này xin được đưa ra ý kiến như sau:

Thường trường hợp bị phát hiện là xe gian là do chủ xe nhận diện được hay do người khác báo. Lúc này, người mua xe hoang mang, không biết có "tiền mất tật mang" hay không hoặc vướng vào vòng tố tụng.

Mua nhầm xe gian không được xem là giao dịch dân sự, vì vậy người mua xe cần đến cơ quan công an nơi cư trú gần nhất trình báo để được giải quyết theo đúng quy định.

Theo đó, mua bán xe là một giao dịch dân sự, tuy nhiên việc mua nhầm xe gian được xem là giao dịch dân sự vô hiệu do không thỏa mãn điệu kiện quy định tại Điều 122 BLDS 2005.

Cụ thể, giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện: Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện.

Việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu được quy định tại Điều 137 BLDS: "Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường".

Do vậy, khi mua nhầm xe gian, người mua có thể yêu cầu người bán hoàn trả lại số tiền đã mua xe. Trường hợp người bán không đồng ý trả thì người mua có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi người bán cư trú để yêu cầu hoàn trả lại tiền mua xe đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu có. Trên cơ sở đó, tòa án xem xét giải quyết tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, hai bên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận.

Hồ sơ khởi kiện bao gồm các giấy tờ chính sau:

- Đơn khởi kiện

- CMND hoặc căn cước công dân, Sổ hộ khẩu (Bản sao)

- Giấy mua bán xe (Bản sao)

- Các tài liệu có liên quan đến vụ kiện (nếu có)

- Bản kê các tài liệu nộp kèm theo đơn kiện

Lưu ý, trong trường hợp mua phải xe gian thì người mua xe nên đến ngay cơ quan công an xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú để trình báo toàn bộ sự việc.

Trên cơ sở thông tin trình báo, cơ quan công an sẽ tiến hành làm các thủ tục xác minh thông tin bằng biện pháp mời người bán phương tiện lên cơ quan công an để tiến hành xem xét, điều tra truy nguồn gốc của phương tiện. Đồng thời, cơ quan công an xã, phường, thị trấn sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Công an tỉnh, thành phố tra cứu qua tàng thư xe mất cắp để xác định phương tiện đó có nằm trong tang vật vụ án hay không.

Trong trường hợp việc xác minh giúp xác định yếu tố cấu thành tội phạm thì cơ quan công an sẽ tiến hành lập hồ sơ chuyển lên cơ quan cảnh sát điều tra cấp quận, huyện quản lý địa bàn xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, cơ quan chức năng cũng sẽ triệu tập bạn với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để điều tra sự việc cũng như ghi nhận các yêu cầu của bạn liên quan số tiền bạn đã trả cho người bán.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nếu người phạm tội hoặc người thân thích của họ trả lại số tiền của bạn thì cơ quan chức năng sẽ mời bạn đến nhận. Trường hợp không trả thì khi xét xử, tòa án sẽ buộc người phạm tội phải trả lại số tiền đã nhận cho bạn.

Như vậy, để tránh rủi ro khi giao dịch tài sản là phương tiện tham gia giao thông các bên mua và bán cần thực hiện mua bán trên hợp đồng theo mẫu và tiến hành các thủ tục công chứng

hợp đồng mua bán theo quy định tại cơ quan công chứng gần nhất. Sau đó, tới cơ quan CSGT làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Thủ tục sang tên khi mua xe bạn có thể tham khảo: